

*
Số 02 - QĐ/HNDTW

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2024

QUY ĐỊNH

Công tác thi hành kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam

- Căn cứ Quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức Đảng, đảng viên vi phạm;
- Căn cứ Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Nông dân Việt Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2023 - 2028;

Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII quy định công tác thi hành kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về thi hành kỷ luật trong hệ thống tổ chức Hội Nông dân Việt Nam từ Trung ương đến cấp cơ sở, chi hội, tổ hội, cán bộ hội, hội viên.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Thi hành kỷ luật Hội: Là việc tổ chức hội có thẩm quyền được quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên có vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật bằng một trong các hình thức kỷ luật của Hội.

2. Cố ý vi phạm: Là việc tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên đã được thông báo, phổ biến, biết về quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ Hội, Nghị quyết, quy định của Hội, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm nhưng vẫn thực hiện.

3. Vô ý vi phạm: Là việc tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm.

4. Tái phạm: Là việc tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên vi phạm đã bị xử lý kỷ luật nhưng tiếp tục vi phạm hành vi đã bị kỷ luật.

5. Vi phạm ít nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại không lớn, chưa làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và tổ chức hội, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ hội, hội viên công tác, sinh hoạt.

6. Vi phạm nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ hội, hội viên và nông dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức hội, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ hội, hội viên công tác, sinh hoạt.

7. Vi phạm rất nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận rất xấu, bức xúc trong cán bộ hội, hội viên và nông dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức hội, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ hội, hội viên công tác, sinh hoạt.

8. Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng: Là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, gây dư luận đặc biệt xấu, bức xúc trong cán bộ hội, hội viên và nông dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức hội, cơ quan, đơn vị nơi cán bộ hội, hội viên công tác, sinh hoạt.

9. Thiếu trách nhiệm: Là việc tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao không đầy đủ; không đúng nguyên tắc, quy định của Hội, của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

10. Thời hiệu kỷ luật của Hội: Là thời hạn được quy định trong Quy định này mà khi hết thời hạn đó thì tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Hội, nếu vi phạm đến mức phải kỷ luật đều phải xem xét, thi hành kỷ luật.

2. Xử lý kỷ luật phải công minh, khách quan, chính xác, kịp thời, đúng pháp luật và quy định của Hội.

3. Khi xem xét xử lý kỷ luật, tổ chức hội có thẩm quyền phải căn cứ vào nội dung, mức độ, tính chất, tác hại, động cơ, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể và các tình tiết có liên quan để xem xét, quyết định cho phù hợp và phải chịu trách nhiệm trước quyết định đó. Nếu hết thời hiệu thì không xem xét, xử lý kỷ luật.

4. Khi thi hành kỷ luật Hội đối với cán bộ hội, hội viên là đảng viên, công chức, viên chức, tùy theo mức độ vi phạm, cấp ra quyết định kỷ luật kiến nghị cơ quan quản lý cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên đó xem xét, quyết định kỷ luật theo thẩm quyền.

5. Đối với cán bộ chuyên trách công tác hội nhưng không tham gia ban chấp hành, ủy ban kiểm tra vi phạm kỷ luật, thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.

6. Một hành vi vi phạm chỉ bị kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật. Khi cùng một thời điểm xem xét kỷ luật nếu có từ hai hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức kỷ luật cao nhất; không tách riêng từng hành vi vi phạm để thi hành các hình thức kỷ luật khác nhau và kỷ luật nhiều lần.

7. Trong cùng một vụ việc có nhiều cán bộ hội, hội viên vi phạm thì mỗi cá nhân phải bị thi hành kỷ luật về hành vi vi phạm của mình.

8. Hội nghị đề nghị xét kỷ luật và hội nghị quyết định kỷ luật chỉ hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên được triệu tập có mặt. Quyết định kỷ luật hoặc đề nghị kỷ luật có giá trị khi có trên một phần hai (1/2) tổng số thành viên được triệu tập biểu quyết đồng ý bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Việc đề nghị hình thức kỷ luật giải tán tổ chức hội phải được sự đồng ý của ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên được triệu tập của hội nghị đề nghị xét kỷ luật và được sự đồng ý của trên một phần hai (1/2) số thành viên được triệu tập của hội nghị quyết định kỷ luật.

Đối với cấp quyết định kỷ luật, trường hợp kết quả bỏ phiếu kín quyết định các hình thức kỷ luật cụ thể mà không có hình thức kỷ luật nào đủ đa số phiếu theo quy định, thì cộng dồn số phiếu từ hình thức kỷ luật cao nhất xuống đến hình thức kỷ luật liền kề thấp hơn, đến hình thức kỷ luật nào mà kết quả có đủ đa số phiếu theo quy định thì lấy hình thức kỷ luật đó để quyết định.

9. Quyết định của cấp dưới về kỷ luật tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên vi phạm phải báo cáo lên ban chấp hành, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp. Quyết định của cấp trên về kỷ luật tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên vi phạm phải được thông báo đến cấp dưới, nơi có tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên vi phạm.

10. Tổ chức hội quyết định kỷ luật oan, sai đối với cán bộ hội, hội viên phải hủy bỏ quyết định đó hoặc thay đổi quyết định kỷ luật cho phù hợp, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm, nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra cấp trên có thẩm quyền xem xét, quyết định. Cán bộ hội, hội viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi.

11. Cán bộ hội, hội viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi, đang mắc bệnh hiểm nghèo, bị bệnh đang điều trị nội trú tại bệnh viện, được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, HÀNH VI, HÌNH THỨC KỶ LUẬT

Điều 4. Đối tượng chịu hình thức kỷ luật của Hội

1. Tổ chức hội: Ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân các cấp; Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh, cấp huyện; ban chấp hành chi hội, chi hội, tổ hội.

2. Cá nhân:

- Cán bộ hội giữ các chức vụ được bầu cử tại đại hội và hội nghị ở các cấp hội: Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, ủy viên ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó, tổ trưởng, tổ phó tổ hội.

- Hội viên.

Điều 5. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Không chấp hành đúng Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội, gây hậu quả làm ảnh hưởng đến tổ chức hội và phong trào nông dân.

2. Vi phạm về đạo đức, tư cách, làm mất niềm tin với cán bộ hội, hội viên, nông dân; xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, nông dân.

3. Vi phạm chủ trương, Nghị quyết, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 6. Hình thức kỷ luật

1. Đối với cá nhân

a) Khiển trách: Đối với những vi phạm ít nghiêm trọng, qua phê bình, nhắc nhở đã nhận ra sai sót và quyết tâm sửa chữa.

b) Cảnh cáo: Đối với những vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến tổ chức hội và phong trào nông dân.

c) Cách chức: Là hình thức kỷ luật cao nhất đối với cán bộ hội có vi phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, gây dư luận xấu, ảnh hưởng lớn đến tổ chức hội và hoạt động hội, không còn uy tín đối với tổ chức hội và hội viên, nông dân.

d) Xóa tên và thu hồi thẻ hội viên: Là hình thức kỷ luật cao nhất đối với hội viên khi mắc phải những vi phạm sau:

- Vi phạm pháp luật Nhà nước bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Vi phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng trong thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội.

2. Đối với tổ chức hội

a) Khiển trách: Đối với những vi phạm ít nghiêm trọng.

b) Cảnh cáo: Đối với những vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến tổ chức hội và phong trào nông dân.

c) Giải tán: Là hình thức kỷ luật cao nhất đối với tổ chức hội khi có hoạt động trái với Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng; hoạt động chống lại đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Những tổ chức hội vi phạm một trong các nội dung sau thì phải giải tán:

- Có hành động chống lại đường lối, chủ trương của Đảng với các hành vi cụ thể như: tổ chức, kích động, xúi giục, cưỡng bức cán bộ, hội viên, nông dân và Nhân dân mít tinh, biểu tình trái với quy định của pháp luật; xuyên tạc sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng; có hành động cụ thể chống Đảng.

- Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt hội hoặc pháp luật Nhà nước với các hành vi như: Chi hội, tổ hội bỏ một năm không sinh hoạt; cố ý không chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết, quy định của Hội, pháp luật của Nhà nước; chia rẽ bè phái, mất đoàn kết nghiêm trọng, không còn vai trò và tác dụng đối với Hội và phong trào nông dân.

Điều 7. Thời hiệu kỷ luật

1. Thời hiệu kỷ luật của Hội được quy định như sau:

- 5 năm (60 tháng) đối với những hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

- 10 năm (120 tháng) đối với những hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo.

2. Thời hiệu kỷ luật được tính từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm đến khi tổ chức hội có thẩm quyền kỷ luật kết luận vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật của Hội. Nếu trong thời hiệu kỷ luật quy định tại khoản 1, tổ chức hội hoặc cán bộ hội, hội viên có hành vi vi phạm mới thì thời hiệu kỷ luật đối với vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

3. Không áp dụng thời hiệu kỷ luật của Hội đối với những hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức giải tán đối với tổ chức hội, cách chức đối với cán bộ hội, xóa tên và thu hồi thẻ hội viên đối với hội viên.

Chương III

THẨM QUYỀN THI HÀNH KỶ LUẬT

Điều 8. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với cá nhân

1. Tổ hội, chi hội (nơi không có tổ hội)

- a) Kiểm điểm cán bộ hội, hội viên vi phạm.
- b) Đề nghị với ban chấp hành chi hội xem xét, đề nghị kỷ luật đối với cán bộ hội, hội viên vi phạm.

2. Ban chấp hành chi hội

Đề nghị với cấp trên trực tiếp quyết định hình thức kỷ luật đối với hội viên; tổ trưởng, tổ phó tổ hội; ủy viên ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng, chi hội phó.

3. Ban thường vụ, ban chấp hành hội nông dân cấp cơ sở

a) Ban thường vụ hội nông dân cấp cơ sở:

- Quyết định khiển trách, cảnh cáo: hội viên, tổ phó, tổ trưởng tổ hội, ủy viên ban chấp hành chi hội, chi hội phó.

- Đề nghị với ban chấp hành hội nông dân cấp cơ sở quyết định hình thức kỷ luật đối với cá nhân theo thẩm quyền.

b) Ban chấp hành hội nông dân cấp cơ sở:

- Quyết định xóa tên và thu hồi thẻ hội viên.
- Quyết định khiển trách, cảnh cáo: chi hội trưởng, ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ hội nông dân cấp cơ sở.
- Quyết định cách chức: ủy viên ban chấp hành chi hội, chi hội trưởng (trường hợp không là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp cơ sở), chi hội phó, tổ trưởng, tổ phó tổ hội.

- Đề nghị với cấp trên trực tiếp quyết định hình thức kỷ luật cách chức đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ hội nông dân cấp cơ sở.

- Đối với chủ tịch, phó chủ tịch vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, ban chấp hành xin ý kiến cấp ủy cấp quản lý cán bộ trước khi đề nghị cấp trên trực tiếp quyết định kỷ luật.

4. Ban thường vụ, ban chấp hành hội nông dân cấp huyện

a) Ban thường vụ hội nông dân cấp huyện:

- Quyết định khiển trách, cảnh cáo: chủ tịch, phó chủ tịch hội nông dân cấp cơ sở; ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện.

- Quyết định cách chức: ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch hội nông dân cấp cơ sở, chi hội trưởng (trường hợp là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp cơ sở); ủy viên ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện.

- Đề nghị với ban chấp hành hội nông dân cấp huyện quyết định hình thức kỷ luật đối với cá nhân theo thẩm quyền.

b) Ban chấp hành hội nông dân cấp huyện:

- Quyết định cách chức chủ tịch hội nông dân cấp cơ sở (trường hợp không là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp huyện).

- Trường hợp cán bộ hội đã bị xử lý kỷ luật của Đảng, ban chấp hành ủy quyền ban thường vụ xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định và báo cáo ban chấp hành.

- Đề nghị cấp trên trực tiếp quyết định hình thức kỷ luật cách chức đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện.

- Đối với chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, ban chấp hành xin ý kiến cấp ủy cấp quản lý cán bộ trước khi đề nghị cấp trên trực tiếp quyết định kỷ luật.

5. Ban thường vụ, ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh

a) Ban thường vụ hội nông dân cấp tỉnh:

- Quyết định khiển trách, cảnh cáo: chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện; ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh.

- Quyết định cách chức: chủ tịch hội nông dân cấp cơ sở (trường hợp là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp huyện); ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch hội nông dân cấp huyện, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện (trường hợp là phó chủ tịch hội nông dân cấp huyện); ủy viên ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh.

- Đề nghị với ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh quyết định hình thức kỷ luật đối với cá nhân theo thẩm quyền.

b) Ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh:

- Quyết định cách chức: chủ tịch hội nông dân cấp huyện (trường hợp không là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh), chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện (trường hợp là chủ tịch hội nông dân cấp huyện).

- Trường hợp cán bộ hội đã bị xử lý kỷ luật của Đảng, ban chấp hành ủy quyền ban thường vụ xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định và báo cáo ban chấp hành.

- Đề nghị với cấp trên trực tiếp quyết định hình thức kỷ luật cách chức đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh.

- Đối với chủ tịch, phó chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật, ban chấp hành xin ý kiến cấp ủy cấp quản lý cán bộ trước khi đề nghị cấp trên trực tiếp quyết định kỷ luật.

6. Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Trung ương Hội

a) Ban Thường vụ Trung ương Hội:

- Quyết định khiển trách, cảnh cáo: phó chủ tịch, chủ tịch, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh; ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ Trung ương Hội, ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Hội.

- Quyết định cách chức: ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, phó chủ tịch, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh; chủ tịch hội nông dân cấp huyện (trường hợp là ủy viên ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh); ủy viên ủy ban kiểm tra Trung ương Hội (trường hợp không phải là ủy viên ban chấp hành Trung ương Hội).

- Đề nghị với Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định hình thức kỷ luật đối với cá nhân theo thẩm quyền.

b) Ban Chấp hành Trung ương Hội:

- Quyết định cách chức: chủ tịch hội nông dân cấp tỉnh; ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ Trung ương Hội, ủy viên ủy ban kiểm tra Trung ương Hội (trường hợp là ủy viên ban chấp hành Trung ương Hội), phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra Trung ương Hội.

- Trường hợp cán bộ Hội đã bị xử lý kỷ luật của Đảng, Ban Chấp hành ủy quyền Ban Thường vụ xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định và báo cáo Ban Chấp hành.

- Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

7. Ủy ban kiểm tra của Hội từ Trung ương đến cấp huyện

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị kỷ luật của cấp dưới, xem xét và đề nghị với ban thường vụ, ban chấp hành hội nông dân cùng cấp quyết định kỷ luật.

b) Xem xét, đề nghị với ban thường vụ, ban chấp hành hội nông dân cùng cấp quyết định hình thức kỷ luật theo thẩm quyền đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cùng cấp.

c) Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp dưới trong trường hợp cán bộ vi phạm nhưng ban chấp hành, ban thường vụ cấp dưới không xem xét, xử lý kỷ luật hoặc xử lý kỷ luật không đúng mức vi phạm.

Điều 9. Thi hành kỷ luật cách chức đối với cán bộ hội giữ nhiều chức vụ

1. Cán bộ hội giữ nhiều chức vụ vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật cách chức thì tùy mức độ, tính chất vi phạm mà cách chức một, một số hay tất cả các chức vụ.

2. Trường hợp kỷ luật cách chức cán bộ hội giữ nhiều chức vụ trong một cấp Hội:

a) Nếu cách chức chủ tịch hoặc phó chủ tịch ban chấp hành thì còn là ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành; nếu cách chức ủy viên ban thường vụ thì còn ủy viên ban chấp hành.

b) Trường hợp cán bộ hội vừa là ủy viên ban chấp hành vừa là ủy viên ủy ban kiểm tra cùng cấp, nếu cách chức ủy viên ủy ban kiểm tra thì tùy thuộc mức độ vi phạm đề nghị ban chấp hành cùng cấp xem xét đối với chức vụ ủy viên ban chấp hành.

c) Nếu vi phạm đến mức phải cách chức tất cả các chức vụ trong một cấp Hội thì sẽ do tổ chức hội cấp có thẩm quyền kỷ luật cách chức đối với chức vụ cao nhất (*thẩm quyền thi hành kỷ luật cá nhân đối với từng chức vụ quy định tại điều 8*) sẽ quyết định kỷ luật cách chức tất cả các chức vụ.

Tổ chức hội cấp dưới thực hiện quy trình và đề nghị lên tổ chức hội cấp có thẩm quyền kỷ luật cách chức đối với chức vụ cao nhất quyết định kỷ luật cách chức tất cả các chức vụ.

3. Trường hợp kỷ luật cách chức cán bộ hội giữ nhiều chức vụ ở nhiều cấp Hội vi phạm kỷ luật ở cấp nào thì việc xem xét, quyết định kỷ luật được tiến hành theo quy định đối với chức vụ ở cấp đó và thông báo đến Hội cấp dưới hoặc cấp trên mà cán bộ đó giữ chức vụ.

Nếu vi phạm đến mức phải cách chức tất cả các chức vụ ở nhiều cấp Hội thì sẽ do tổ chức hội cấp có thẩm quyền kỷ luật cách chức đối với chức vụ cao nhất (*thẩm quyền thi hành kỷ luật cá nhân đối với từng chức vụ quy định tại điều 8*) sẽ quyết định kỷ luật cách chức tất cả các chức vụ.

Tổ chức hội cấp dưới thực hiện quy trình và gửi hồ sơ đề nghị kỷ luật lên tổ chức hội cấp có thẩm quyền kỷ luật cách chức đối với chức vụ cao nhất quyết định kỷ luật cách chức tất cả các chức vụ.

Điều 10. Thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội

1. Ban thường vụ hội nông dân cấp huyện: Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ban chấp hành chi hội, chi hội, tổ hội.

2. Ban chấp hành hội nông dân cấp huyện: Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân cấp cơ sở.

3. Ban thường vụ hội nông dân cấp tỉnh: Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp huyện.

4. Ban chấp hành hội nông dân cấp tỉnh: Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân cấp huyện.

5. Ban Thường vụ Trung ương Hội: Quyết định kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh.

6. Ban Chấp hành Trung ương Hội: Quyết định kỷ luật đối với ban chấp hành, ban thường vụ hội nông dân cấp tỉnh, Ban Thường vụ Trung ương Hội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội.

7. Tổ chức Hội bị kỷ luật giải tán do ban chấp hành cấp trên trực tiếp đề nghị; ban chấp hành cấp trên một cấp quyết định. Quyết định giải tán tổ chức hội phải báo cáo ban chấp hành hội cấp trên trực tiếp và Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội.

8. Ủy ban kiểm tra Trung ương Hội, ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm xem xét, đề nghị ban thường vụ, ban chấp hành cùng cấp quyết định kỷ luật đối với tổ chức hội vi phạm.

Điều 11. Chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật

1. Ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra hội nông dân cấp trên có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, tổ chức hội vi phạm do tổ chức hội có thẩm quyền cấp dưới đã quyết định.

2. Trường hợp phải thay đổi bằng hình thức kỷ luật cao hơn, vượt quá thẩm quyền phải báo cáo tổ chức hội có thẩm quyền quyết định.

Điều 12. Đình chỉ sinh hoạt, hoạt động hội; đình chỉ sinh hoạt, công tác, chức vụ đối với cá nhân

1. Đình chỉ sinh hoạt, hoạt động hội áp dụng đối với tổ chức hội đang trong quá trình kiểm tra, xem xét vi phạm trong trường hợp cần thiết.

Đình chỉ sinh hoạt đối với hội viên và đình chỉ công tác, chức vụ đối với cán bộ hội đang trong quá trình kiểm tra, xem xét vi phạm trong trường hợp cần thiết.

2. Tổ chức hội có thẩm quyền giải tán tổ chức hội vi phạm thì có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt, hoạt động của tổ chức đó. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt, hoạt động của tổ chức hội không quá 90 ngày.

3. Tổ chức hội nào có thẩm quyền xóa tên, thu hồi thẻ hội viên thì có thẩm quyền đình chỉ sinh hoạt của hội viên. Thời hạn đình chỉ sinh hoạt của hội viên không quá 90 ngày.

4. Tổ chức hội nào có thẩm quyền quyết định kỷ luật cán bộ hội vi phạm, sau khi đã thống nhất với cấp ủy cấp quản lý cán bộ hội vi phạm thì tổ chức đó có

thẩm quyền đình chỉ công tác, đình chỉ chức vụ để phục vụ quá trình điều tra của cơ quan chức năng hoặc đình chỉ chức vụ để phục vụ quá trình kiểm tra, xác minh, kết luận vi phạm. Thời hạn đình chỉ không quá 90 ngày. Quá thời gian 90 ngày, nếu chưa có kết luận điều tra, kiểm tra, trong trường hợp cần thiết có thể tiếp tục đình chỉ lần thứ 2. Thời gian đình chỉ lần 2 không quá 90 ngày.

5. Trong thời gian bị đình chỉ công tác, đình chỉ chức vụ để phục vụ quá trình điều tra của cơ quan chức năng hoặc đình chỉ chức vụ để phục vụ quá trình kiểm tra, xác minh, kết luận vi phạm, cán bộ hội bị đình chỉ vẫn được hưởng lương, phụ cấp chức vụ (nếu có).

Điều 13. Thời hạn áp dụng hình thức kỷ luật

1. Sau 12 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, nếu tổ chức hội, cá nhân bị kỷ luật không khiêu nại, không tiếp tục vi phạm Điều lệ Hội đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

2. Cán bộ hội bị kỷ luật thì không phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày ký quyết định kỷ luật):

- 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách.
- 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo.
- 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

3. Trường hợp hội viên bị kỷ luật với hình thức xóa tên và thu hồi thẻ hội viên, sau 12 tháng nếu cá nhân có nguyện vọng muốn được tiếp tục vào Hội thì xem xét thực hiện theo quy định của Điều lệ Hội và Hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội về kết nạp hội viên.

Chương IV

QUY TRÌNH XEM XÉT, THI HÀNH KỶ LUẬT

Điều 14. Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội

Bước 1: Tổ chức hội vi phạm kỷ luật chuẩn bị bản tự kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật

- Tập thể hoặc người đứng đầu tổ chức hội vi phạm chuẩn bị nội dung kiểm điểm về tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân của hành vi vi phạm, xác định mức độ ảnh hưởng, trách nhiệm của từng thành viên. Sau khi thảo luận, góp ý, phân tích rõ động cơ, nguyên nhân, tính chất, mức độ vi phạm thì bỏ phiếu kín tự nhận hình thức kỷ luật của tổ chức hội vi phạm và báo cáo tổ chức hội có thẩm quyền xem xét, quyết định kỷ luật.

- Ban Thường vụ (Ủy ban kiểm tra) làm việc với tổ chức hội vi phạm, trao đổi về nội dung vi phạm và những vấn đề còn khác nhau giữa báo cáo của tổ chức hội vi phạm với kết quả kiểm tra, xác minh để làm rõ thêm về nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân của vi phạm. Ban Thường vụ (Ủy ban kiểm tra) hoàn chỉnh báo cáo về việc xem xét thi hành kỷ luật gửi lên tổ chức hội có thẩm quyền quyết định kỷ luật.

- *Hồ sơ gửi tổ chức hội có thẩm quyền quyết định kỷ luật gồm:*

+ Bản tự kiểm điểm của tổ chức hội vi phạm.

+ Biên bản họp của tổ chức hội kiểm điểm, tự nhận hình thức kỷ luật (ghi rõ thời gian, thành phần, số người dự họp, số người được triệu tập, tóm tắt ý kiến phát biểu của các thành viên, kết quả bỏ phiếu kín tự nhận hình thức kỷ luật, kết luận).

+ Báo cáo của ban thường vụ (ủy ban kiểm tra) về việc xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội vi phạm.

+ Các tài liệu, hồ sơ có liên quan (kết luận của các cơ quan công an, thanh tra, kiểm tra...; quyết định kỷ luật của Đảng, chính quyền, đoàn thể khác; báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh; các tài liệu điều tra, xác minh... nếu có).

Bước 2: Tổ chức hội có thẩm quyền quyết định kỷ luật (ban chấp hành hoặc ban thường vụ) họp xem xét, quyết định kỷ luật

- Trước khi họp để xem xét, quyết định kỷ luật, đại diện tổ chức hội có thẩm quyền quyết định kỷ luật sẽ nghe đại diện tổ chức hội vi phạm trình bày ý kiến và ý kiến này được báo cáo đầy đủ (kèm theo bản tự kiểm điểm).

Nếu đại diện tổ chức hội vi phạm có lý do chính đáng mà không trực tiếp trình bày ý kiến thì báo cáo bằng văn bản và phải chấp hành sau khi quyết định kỷ luật.

- Tổ chức hội có thẩm quyền kỷ luật nghe ban thường vụ (ủy ban kiểm tra) báo cáo; trình bày báo cáo của tổ chức hội vi phạm và tổ chức, cá nhân có liên quan không đồng ý hoặc có ý kiến khác; đề xuất ý kiến trong việc xử lý kỷ luật.

- Tổ chức hội có thẩm quyền kỷ luật tổ chức họp xét kỷ luật; đại diện tổ chức hội vi phạm trình bày bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật theo kết quả bỏ phiếu ở bước 1; hội nghị thảo luận và tiến hành bỏ phiếu kín quyết định về việc thi hành kỷ luật đối với tổ chức hội vi phạm.

Bước 3: Công bố quyết định kỷ luật

Cấp nào ban hành quyết định kỷ luật thì cấp đó công bố quyết định kỷ luật hoặc có thể giao cho cấp dưới công bố quyết định. Quyết định kỷ luật được giao đến tổ chức hội vi phạm để thi hành và báo cáo ban thường vụ, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Quyết định kỷ luật tổ chức hội vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

Điều 15. Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với cá nhân

Bước 1: Tổ chức họp kiểm điểm cá nhân vi phạm

- Cá nhân vi phạm phải làm bản kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật.

- Đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ hội vi phạm; chi hội, tổ hội nơi hội viên sinh hoạt tổ chức họp để cá nhân vi phạm kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật trước tập thể. Hội nghị thảo luận, phân tích rõ nguyên nhân, tính chất, mức độ vi phạm và tiến hành bỏ phiếu kín để kiến nghị, đề xuất về việc thi hành kỷ luật.

Đối với cán bộ vi phạm là ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra thì cùng với việc kiểm điểm ở đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ còn phải kiểm điểm ở ban chấp hành, ban thường vụ, ủy ban kiểm tra. Đối với hội viên vi phạm là ủy viên ban chấp hành chi hội, ủy viên ban chấp hành cơ sở hội thì cùng với việc kiểm điểm ở chi, tổ hội sinh hoạt còn phải kiểm điểm ở ban chấp hành nơi hội viên đó là ủy viên.

- Tổ chức hội có thẩm quyền đề nghị kỷ luật tổ chức họp để cá nhân vi phạm kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật trước tập thể. Đoàn kiểm tra của ban thường vụ (ủy ban kiểm tra) báo cáo kết quả xác minh, kết luận vi phạm. Hội nghị thảo luận, phân tích rõ nguyên nhân, tính chất, mức độ vi phạm. Hội nghị tiến hành bỏ phiếu kín đề nghị về việc thi hành kỷ luật.

Nếu cá nhân vi phạm cố tình vắng mặt hoặc không tự giác kiểm điểm thì hội nghị vẫn tiến hành họp và bỏ phiếu kín đề nghị về việc thi hành kỷ luật, sau đó thông báo cho cá nhân vi phạm biết.

- Tổ chức hội có thẩm quyền đề nghị kỷ luật gửi hồ sơ đề nghị kỷ luật lên cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật.

- *Hồ sơ đề nghị kỷ luật gồm:*

+ Bản tự kiểm điểm của cá nhân vi phạm; sơ yếu lý lịch hoặc lý lịch trích ngang tùy từng trường hợp cụ thể.

+ Biên bản họp xét đề nghị kỷ luật (ghi rõ thời gian, thành phần, số người dự họp, số người được triệu tập, tóm tắt ý kiến phát biểu của các thành viên, kết quả bỏ phiếu kín đề nghị kỷ luật, kết luận).

+ Văn bản đề nghị của tổ chức hội có thẩm quyền đề nghị kỷ luật.

+ Các tài liệu, hồ sơ có liên quan (kết luận của các cơ quan công an, thanh tra, kiểm tra...; quyết định kỷ luật của Đảng, chính quyền, đoàn thể khác; báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh; các tài liệu điều tra, xác minh... nếu có)

Bước 2: Tổ chức họp xem xét, quyết định kỷ luật

- Tổ chức hội có thẩm quyền quyết định kỷ luật tiến hành các biện pháp thu thập đầy đủ chứng cứ, tài liệu có liên quan để kết luận vi phạm. Trong trường hợp cần thiết có thể thành lập đoàn kiểm tra xác minh tiếp tục xác minh nội dung, mức độ vi phạm.

- Tổ chức hội có thẩm quyền kỷ luật tổ chức họp xét kỷ luật; trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập cá nhân vi phạm tham gia hội nghị xét kỷ luật; hội nghị nghe đoàn kiểm tra của ban thường vụ (ủy ban kiểm tra) báo cáo; hội nghị thảo luận, phân tích rõ nguyên nhân, tính chất, mức độ vi phạm và tiến hành bỏ phiếu kín quyết định về việc thi hành kỷ luật đối với cá nhân vi phạm.

Bước 3: Công bố quyết định kỷ luật

Cấp nào ban hành quyết định kỷ luật thì cấp đó công bố quyết định hoặc có thể giao cho cấp dưới công bố quyết định. Quyết định kỷ luật được giao đến cá nhân vi phạm để thi hành và báo cáo ban thường vụ, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Nếu cá nhân vi phạm là đảng viên, tham gia nhiều cơ quan, tổ chức thì phải thông báo đến cơ quan lãnh đạo mà cá nhân đó là thành viên.

Quyết định kỷ luật cá nhân vi phạm có hiệu lực ngay sau khi công bố quyết định.

Chương V

GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI KỶ LUẬT HỘI

Điều 16. Nguyên tắc, thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội

1. Tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên bị kỷ luật không đồng ý với quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật thì trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày nhận quyết định có quyền khiếu nại lên cấp ban hành quyết định. Khiếu nại thuộc thẩm quyền xử lý kỷ luật của cấp nào thì cấp đó giải quyết lần đầu. Trong trường hợp còn khiếu nại tiếp thì tổ chức hội có thẩm quyền cấp trên tiếp tục giải quyết. Không khiếu nại vượt cấp khi chưa giải quyết xong. Không gửi đơn khiếu nại đến nhiều cấp, đến các tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền giải quyết. Không khiếu nại hộ.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các đối tượng bị xử lý kỷ luật do tổ chức hội cấp tỉnh trở xuống quyết định.

3. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cấp giải quyết khiếu nại cuối cùng đối với các đối tượng bị xử lý kỷ luật do Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội, Ban Thường vụ Trung ương Hội, Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định.

4. Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, chậm nhất 90 ngày đối với cấp tỉnh, huyện, cơ sở; 180 ngày đối với cấp Trung ương tính từ ngày nhận được khiếu nại phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức hội hoặc cán bộ hội, hội viên khiếu nại biết. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì được gia hạn nhưng không quá 30 ngày, đồng thời thông báo cho người khiếu nại biết.

5. Ủy ban kiểm tra sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội phải báo cáo ban thường vụ cùng cấp. Ban thường vụ sau khi giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội phải báo cáo ban chấp hành cùng cấp.

6. Tổ chức hội khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho tổ chức hội có thẩm quyền giải quyết, đồng thời thông báo cho người khiếu nại biết.

7. Trong khi chờ giải quyết khiếu nại, tổ chức hội và cán bộ hội, hội viên bị kỷ luật phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định kỷ luật.

Điều 17. Quy trình giải quyết khiếu nại kỷ luật Hội

Bước 1: Căn cứ vào đơn khiếu nại của tổ chức hội, cán bộ hội, hội viên bị kỷ luật, ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền giải quyết khiếu nại kỷ luật nghiên cứu hồ sơ kỷ luật, trong trường hợp thấy có dấu hiệu vi phạm thì thành lập đoàn kiểm tra; chuẩn bị văn bản và tài liệu phục vụ việc kiểm tra.

Bước 2: Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ kỷ luật, làm việc với cán bộ hội, hội viên khiếu nại, tổ chức hội nơi cá nhân khiếu nại công tác, sinh hoạt; tổ chức hội đề nghị kỷ luật, quyết định kỷ luật, các tổ chức, cá nhân có liên quan để trao đổi, làm rõ những điểm khác nhau giữa nội dung khiếu nại kỷ luật với quyết định kỷ luật.

Bước 3: Đoàn kiểm tra tổ chức hội nghị với ban thường vụ, ủy ban kiểm tra (nơi ban hành quyết định kỷ luật), trao đổi kết quả thẩm tra, xác minh; hội nghị thảo luận và đề nghị. Đoàn kiểm tra báo cáo ủy ban kiểm tra kết quả giải quyết khiếu nại.

Bước 4: Ủy ban kiểm tra họp nghe báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại của đoàn kiểm tra; ủy ban thảo luận, kết luận và quyết định giải quyết khiếu nại; yêu cầu tổ chức hội cấp dưới về những vấn đề cần tiếp tục giải quyết (nếu có).

Bước 5: Đại diện ủy ban kiểm tra thông báo quyết định giải quyết khiếu nại đến tổ chức Hội có liên quan, tổ chức Hội khiếu nại hoặc cán bộ hội, hội viên khiếu nại.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Trách nhiệm thi hành Quy định

Hội Nông dân các cấp và cán bộ hội, hội viên Hội Nông dân Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quy định này; ban chấp hành hội nông dân các cấp tổ chức triển khai thi hành Quy định này.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương Hội hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Quy định này.

Điều 19. Hiệu lực của Quy định

Quy định này đã được Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam khóa VIII ngày 19/7/2024 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quy định số 797 - QĐ/HNDTW ngày 29/7/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Hội khóa VII về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật của Hội Nông dân Việt Nam.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét, quyết định.//

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức TW Đảng,
 - Ủy ban Kiểm tra TW Đảng,
 - Ban Nội chính TW Đảng,
 - Ban Dân vận TW Đảng,
 - Ban Tuyên giáo TW Đảng,
 - Văn phòng TW Đảng,
 - Các đ/c UV BCH TW Hội,
 - Các đ/c UV UBKT TW Hội,
 - Hội Nông dân 63 tỉnh, thành phố,
 - Các Ban, đơn vị TW Hội,
 - Lưu VT, UBKT.
- } để b/c

**T/M BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



Lương Quốc Đoàn